

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DS-PT

Ngày: 09/01/2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại do tài sản
bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 07/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hạng Dụ C (tên gọi khác: Hạng Dụ C1), sinh năm 1945 và bà Giàng Thị M, sinh năm 1942 (bà Giàng Thị M ủy quyền cho ông Hạng Dụ C tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền lập ngày 21/9/2022). Địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Hồ Sã S, sinh năm 1968 và bà Chớ Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (bà Chớ Thị H ủy quyền cho ông Hồ Sã S tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền lập ngày 09/3/2023).

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Sã S: Anh Hồ A C, sinh năm 2003. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (theo Giấy ủy quyền ngày 29/10/2024) (Có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Chớ Thị H: Ông Hồ Sã S. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2023) (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người làm chứng:

- **Bà S Thị M (tên gọi khác: S Thị M1)**, sinh năm 1965. Địa chỉ: bản H1, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).
- **Anh Mùa A D**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt tại phiên tòa*).
- **Ông Giàng Pàng C**, sinh năm 1959. Địa chỉ: Bản H 2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).
- **Ông Vừ Trùng D**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt tại phiên tòa*).
- **Ông Vừ Gàn H**, địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt tại phiên tòa*).
- **Ông Hạng A H**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).
- **Ông Hạng A N**, địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt tại phiên tòa*).
- **Ông S Giồng Ch**, sinh năm 1959. Địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt tại phiên tòa*).
- **Ông Hồ Vảng S**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt tại phiên tòa*).
- **Ông Vừ A P**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

5. Người phiên dịch cho người làm chứng bà S Thị M: Ông S A X, sinh năm 1960. Địa chỉ: Bản P, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

6. Người kháng cáo: Bị đơn ông Hồ Sã S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2022, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hạng Dụ C trình bày:

Gia đình ông có một mảnh đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chiều dài 58 mét, chiều rộng 8 mét tổng diện tích là 464 m² tại Km 24 thuộc bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, phía bắc giáp đất ông Hồ Sã S, phía Nam giáp đất Hạng Dụ C, phía tây giáp đất ông Hạng A N1, phía đông giáp đất ông Vừ Chồng D. Từ năm 1991 hai vợ chồng ông đã khai hoang và hàng năm trồng các loại cây như ngô, lúa trên mảnh đất này, do đất không còn màu mỡ nên khoảng tháng 2/2022 gia đình ông chuyển sang trồng cây cỏ voi để cho trâu ăn hiện tại có khoảng 344 khóm, (một khóm cân nặng khoảng 3,5 kg) cỏ voi được trồng trên đất. Khi cỏ voi lên được khoảng 1 mét thì trâu ông Hồ Sã S thả vào ăn, gia đình tôi thấy đã đuổi trâu đi và nhắc nhở ông Hồ Sã S thì ông S có nói rằng đất trồng cỏ voi này là đất của ông Hồ Sã S. Vào ngày 14/7/2022 ông S đã phun thuốc trừ cỏ vào mảnh đất trồng cỏ voi, sau đó cây cỏ voi có biểu hiện úa vàng rồi

chết, ông C có làm đơn kiến nghị lên trưởng bản đề được giải quyết. Ngày 12/5/2022, ngày 18/7/2022 cả hai ông đến nhà trưởng bản hòa giải nhưng không thành. UBND xã cũng tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy ông C đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Yêu cầu ông Hồ Sã S và bà Chớ Thị H trả lại số diện tích 464 m² đất tại khu vực Km 24 thuộc bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Bồi thường thiệt hại số cỏ voi bị phá của gia đình C tôi là 344 khóm x 3,5kg = 1.204 kg, dự tính 2.000 đồng/kg x 1.204 kg = 2.408.000 đồng. Do ông S phá cỏ voi 3 lần (1 lần thả trâu và ăn sách, 02 lần phun thuốc diệt cỏ). Vậy ông S phải bồi thường cho tôi gấp 3 lần số cỏ voi trên là 2.408.000 đồng x 3 lần = 7.224.000 đồng.

Tại các biên bản lấy lời khai ông Hạng Dụ C khai: Năm 1990 gia đình ông chuyển từ xã H3 lên xã M sinh sống, mảnh đất đang tranh chấp là của gia đình tôi khai hoang năm 1991 (có nhiều người bằng tuổi tôi biết như ông Vừ A T, ông Vừ A H, ông Sùng A C, ông Vừ Nhè C, ông Mua A D), khi khai hoang có vợ chồng ông Hạng Dụ D khai hoang cùng thời điểm, vợ chồng ông Hạng Dụ D khai hoang phần phía trên mà sau này bán cho ông Hồ Sã S, ngoài ông Hạng Dụ D ra không có ai khai hoang cùng. Từ thời điểm khai hoang tôi canh tác liên tục không bỏ thời gian nào, ông không thấy ông S trồng gì trên đất đấy, thời điểm 2005 ông chia đất cho con trai tên là H3, năm 2007 ông chia cho con trai tên là N2, khi cho các con đất đều chỉ ranh giới cho H3 và N2 biết. Trước thời điểm xúc đất chưa xảy ra tranh chấp, lúc trước ông có trồng cỏ voi, ngô, năm nào cũng trồng, trồng từ năm 1991 đến thời điểm xảy ra tranh chấp. Khi ông xúc phần đất để mở rộng ruộng thì xã có biết việc này, ông S có nói rằng xúc ít, đừng xúc sát vào ruộng nhà ông S, xúc sát quá sẽ sát đất ruộng nhà ông S. Ông trồng cỏ voi thì trâu nhà ông S phá lần 01 ăn hết cỏ ông có báo xã lập biên bản và kiểm kê, lần 2, lần 3 ông S phun thuốc chết hết cây chỉ còn lại gốc, các lần ông C đều trình báo lên xã, bản để giải quyết.

Bên dưới khu đất đang tranh chấp là ruộng ông C đã được cấp sổ đỏ 2 lần, lần 1 năm 2015, lần 2 vào năm 2021 cấp lại để điều chỉnh diện tích khai hoang thêm, diện tích đất đang tranh chấp không được cấp sổ vì là đất trồng ngô, trồng mạ không phải là đất ruộng nên không được kê cấp sổ. Trước khi xúc đất tôi trồng ngô, mạ, sau khi xúc đất do diện tích còn ít nên tôi trồng cỏ voi. Bà Sùng Thị M, ông D4 là thông gia với ông S nên lời khai của bà Sùng Thị M là không đúng.

Ngày 14/11/2023, ông Hạng Dụ C có bản trình bày ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần diện tích đất mà ông Hồ Sã S và bà Chớ Thị H phải trả lại cho ông Hạng Dụ C và bà Giàng Thị M số diện tích là 1.170m² như diện tích đất mà Tòa án nhân dân huyện M đã xem xét thẩm định, phần yêu cầu ông S bồi thường ông vẫn giữ nguyên.

Trong quá trình giải quyết bản án và tại đơn yêu cầu phản tố, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Hồ Sã S trình bày:

Năm 2003 vợ chồng ông mua đất với vợ chồng Vừ Dụ D, (ông Vừ Dụ D đã chết năm 2017), bà Sùng Thị M khi mua có viết giấy tờ, diện tích lúc mua bán không đo đạc, hiện đo thực tế được là 4000m² ruộng, với 1005m² trồng cỏ voi và mạ, khi mua với ông Vừ Dụ D không có ai chứng kiến, khi đó bà vợ ông Vừ

Dụ D không có mặt, giấy được viết luôn lúc mua bán, khi mua bán ông Vừ Dụ D có chỉ rõ ràng các mốc danh giới, khi mua giáp với D5, ông C, ông S canh tác từ thời điểm mua đến giờ, khi mua từ năm 2003 chưa xảy ra tranh chấp, đến năm 2012 ông C đến chiếm và trồng ngô và mạ vào đất của ông, khi đó ông có nói nhiều, cãi nhau suốt với ông C, lúc đó không có đơn và thông báo lên xã để giải quyết, đến năm 2022 ông C thuê máy xúc thửa đất đấy mới sảy ra xô xát, khi đó ông S có ý kiến lên xã giải quyết, thông báo lên xã 01 lần. Khi có chủ trương làm sổ đỏ ông S trực tiếp đi cùng đoàn đo đạc và chỉ cho cán bộ đo đạc đo đất của ông, bà Sùng Thị M vợ ông Vừ Dụ D hiện đang còn sống biết về việc mua bán giữa tôi và ông Vừ Dụ D. Năm 2015 cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp lại do hết hạn sổ cũ) ông không được đi chỉ mốc giới, tất cả mọi người trong bản cũng thế, đến ngày cấp sổ thì cấp sổ.

Ông S khẳng định là canh tác trồng ngô và mạ liên tục đến năm 2012 khi mua đất giáp danh như sau: Phía trên giáp với đường ô tô, phía dưới giáp với đất ông C; phía bên phải giáp đất ông D5 (con rể ông C); phía bên trái giáp đất ông N2 (sau này ông N2 chuyển nhượng cho em đồng hao là ông Dế canh tác). Năm 2012 ông C mới cho máy đến xúc, thời điểm đó có sảy ra tranh chấp giữa tôi và ông C, ông S khẳng định không báo bản và chính quyền xã, lúc đó có bà Hạng Thị D (vợ ông D5) cùng ông cãi nhau với ông C.

Kể từ năm 2012 tranh chấp đất với ông C đến nay ông S không canh tác được trên diện tích đất tranh chấp 1.005m^2 này.

Ông yêu cầu ông C trả lại diện tích 1.005m^2 đất và tiền lương thực trồng ngô và mạ trên diện tích đất 1.005m^2 của 10 năm là $01 \text{ tấn ngô}/01\text{năm} \times 10.000 \text{ đồng/kg} = 100.000.000 \text{ đồng}$.

Nếu ông C không trả lại diện tích 1.005m^2 mà chỉ trả phần đất chưa xúc, thì ông C lấy phần đất đã xúc và phải bồi thường cho Ông S là $500\text{m}^2 \times 21.000 \text{ đồng} = 10.500.000 \text{ đồng}$. Giá cỏ voi hiện tại trên địa bàn ông đang ở khoảng $2.000 \text{ đồng}/01 \text{ kg}$.

Ngày 19/9/2024 ông Hồ Sã S có bản trình bày ý kiến sau khi mua đất của gia đình vợ chồng Vừ Dụ D và S thị Máy canh tác từ năm 2003 đến năm 2012 thì bị gia đình nhà ông Hạng Dụ C vào canh tác, nhưng từ năm 2012 ông S không báo với chính quyền địa phương để giải quyết việc nhà ông Hạng Dụ C vào canh tác vì ông mới chuyển vào mua đất ở đấy nếu tranh chấp thì hai bố con ông C, ông N sẽ đuổi ông S ra khỏi khu vực đấy không cho sinh sống ở khu vực bản H2, xã M. Từ năm 2012 đến năm 2022 ông S không canh tác trên diện tích đất đang tranh chấp được là vì từ năm 2012 gia đình Hạng Dụ C đã chiếm chỗ đất tranh chấp đấy canh tác từ đó cho đến năm 2022 không cho ông vào canh tác. Ông có thấy ông Hạng Dụ C1 trồng ngô trên diện tích đất đang tranh chấp từ năm 2012 đến năm 2021 thì chuyển sang trồng cây cỏ voi cho đến năm 2022 thì xảy ra tranh chấp.

Người làm chứng bà Sùng Thị M trình bày: Đất đang tranh chấp giữa ông S và ông C vợ chồng tôi khai hoang năm nào bà không nhớ, chồng bà bán cho ông S năm nào cũng không nhớ chồng bà là người bán, bà có biết việc chồng bà

bán đất cho ông S, chồng bà bán hết đất ở khu vực đó với số tiền là 10.000.000 đồng, lúc bán chồng bà có đi chỉ chỗ bán cho ông S, chồng bà đã chết cách đây 8 năm, đất bán cho ông S gồm có đất làm ruộng và nương gieo mạ; đám mạ trước khi bán phía dưới giáp với ruộng nhà ông C, mặt bên trái giáp với đất nhà ông D5. Lúc nhà nước xúc đất làm kè đá thì xảy ra tranh chấp đất ở khu vực đó giữa nhà ông S và nhà ông C, cán bộ xã đã đến làm việc với gia đình ông bà, bà đã nói là có bán đất cho ông S, khi xã đến giải quyết tôi không đi chỉ thực địa cho cán bộ xã. Mảnh đất gieo mạ từ lúc khai hoang cho đến khi bán cho ông S năm nào gia đình tôi cũng gieo mạ, khi bán đất cho gia đình ông S chồng bà có viết giấy hay không bà không biết.

Người làm chứng ông Vũ Trung D trình bày: Khi nhà nước làm kè ông C xúc đất mới xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông S và ông C, cụ thể năm nào tôi không nhớ. Ông có nương canh tác ở bên cạnh nên biết ông C mới trồng cỏ voi được 2 đến 3 năm, mảnh nương đang tranh chấp là khu vực gieo mạ trước kia của gia đình ông Vũ Dự D, hiện nay không biết gia đình ông Vũ Dự D bán hoặc cho ai tôi không biết. Ông chỉ biết ông Vũ Dự D có bán đất cho ông S, không biết cụ thể đã bán chỗ đất gieo mạ hay chưa. Trước đây ông có ký xác nhận nguồn gốc đất cho ông S nhưng do ông S cầm lên ông không xem và chỉ biết ký chứ ông không biết rõ thông tin như vậy.

Người làm chứng anh Mùa A Di trình bày: Anh là con rể của ông C, anh và ông Hồ Sã S là liên gia, anh trai ông S lấy chị gái của anh. Năm 1990 anh lấy con gái ông C tại bản H3, xã H3, huyện M, tỉnh Điện Biên, đến năm 1993 anh chuyển lên sinh sống tại bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, khi lên đó anh thấy diện tích đất đang tranh chấp giữa gia đình ông C và gia đình ông S đã được gia đình ông C phát thành nương trồng lúa nương, năm tiếp theo trồng ngô, đất nương có bỏ hoang nhưng không nhớ năm nào, anh và vợ anh có được giúp gia đình ông C làm nương ngô nhiều năm nhưng không nhớ chính xác giúp năm nào. Gia đình ông C xúc phân đất dưới chân đồi đất đang tranh chấp làm ruộng năm 2021, gia đình ông C cũng trồng cỏ voi trên diện tích đất đang tranh chấp trồng luôn năm 2021. Khi gia đình ông C xúc phân đất dưới chân đồi đất đang tranh chấp làm ruộng không thấy gia đình ông S và gia đình nào khác đến tranh chấp phần đất đấy với gia đình ông C. Mọi người xung quanh không ai có ý kiến gì. Gia đình ông S mua đất với ai tôi không biết, từ lúc gia đình ông S mua đất đến bây giờ vẫn như thế không có khai hoang gì thêm và cũng không có ai lấn chiếm đất của gia đình ông S. Anh thấy hai bên gia đình ông C và gia đình ông S trước đây không có tranh chấp đất ở khu vực này, đến cách đây 1 – 2 năm mới tranh chấp với nhau, còn cụ thể tranh chấp năm nào tôi không nhớ. Anh không thấy gia đình ông S trồng cây gì trên diện tích đất đang tranh chấp. Anh khẳng định diện tích đất đang tranh chấp là đất của gia đình ông C.

Người làm chứng ông Giàng Pàng C trình bày: Ông là người cùng bản với ông C, ông là em rể họ của ông S. Ông về làm ăn năm 1991 ở bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên được 01-02 năm ông lại về nhà ở bản T, xã H3, huyện M, tỉnh Điện Biên, đến cuối năm 1993 (tết năm mới 1994), gia đình ông và gia đình ông C chuyển vào trong đó ở bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên cùng

01 năm, năm 1991 ông thấy diện tích đất đang tranh chấp giữa gia đình ông C và gia đình ông S là rừng cây tre và ít cây gỗ không to, năm 1991 đã được gia đình ông C phát, chỗ nào làm được ruộng thì làm ruộng, chỗ nào không làm được ruộng thì làm nương. Vị trí đất đang tranh chấp giữa gia đình ông C và gia đình ông S hơi có độ dốc không trồng được lúa nên tôi thấy ông C trồng ngô trên đó, khi ông C trồng ngô trên đó không có ai làm trên đó cả, thời điểm đấy không nhiều nhà như bây giờ chỉ có hộ gia đình nhà ông, hộ gia đình ông C và hộ gia đình con rể ông C là ông Vừ Trùng D ở đấy. Khi gia đình ông C trồng ngô trên diện tích đất đang tranh chấp, gia đình ông có đi giúp gia đình ông C làm mạ đề đổi công ở gần đấy đã thấy gia đình ông C trồng ngô trên đấy. Lúc ông C trồng ngô không có ai tranh chấp gì, trồng cụ thể bao nhiêu vụ ông không biết. Gia đình ông C xúc phần đất dưới chân đồi đất đang tranh chấp làm ruộng được khoảng 05-06 năm, cụ thể năm nào ông không nhớ. Khi gia đình ông C xúc phần đất dưới chân đồi đất đang tranh chấp làm ruộng không thấy gia đình ông S và gia đình nào khác đến tranh chấp phần đất đấy với gia đình ông C. Mọi người xung quanh không ai có ý kiến gì. Gia đình ông C trồng cây cỏ voi trên diện tích đất đang tranh chấp ông có nhìn thấy nhưng không biết gia đình ông C trồng năm nào. Gia đình ông S mua đất với ai ông không biết, từ lúc gia đình ông S mua đất đến thời điểm tranh chấp ông không biết ông S có khai hoang gì thêm không.

Ông thấy hai bên gia đình ông C và gia đình ông S trước đấy không có tranh chấp đất ở khu vực này, đến cách đây 1 – 2 năm mới tranh chấp với nhau, còn cụ thể tranh chấp năm nào ông không nhớ. Ông khẳng định diện tích đất đang tranh chấp là đất của gia đình ông C.

Người làm chứng ông Hạng A N2 người có đất liền kề trình bày: Ông hiện tại đang sinh sống tại bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Ông có biết nguồn gốc đất tranh chấp ông C là người khai hoang, canh tác từ năm 1991, có canh tác liên tục không bỏ năm nào. Năm 1991 chỉ có 03 hộ gia đình ở khu vực đấy gồm hộ ông Hạng Dụ C, hộ ông Mùa A D, hộ ông Giàng Pàng C sinh sống ở khu vực đấy. Ông lên ở cùng bố mẹ trên bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên từ năm 1990 và được bố mẹ cho đất và canh tác trên diện tích đất đang tranh chấp từ năm 2014 liên tục cho đến nay. Trước không thấy hai hộ gia đình nhà ông C và gia đình nhà ông S tranh chấp đất, đến lúc ông S phun thuốc trừ cỏ trên diện tích cỏ voi gia đình ông C trồng mới xảy ra tranh chấp, ông S phun năm nào tôi không nhớ, lúc đấy có chính quyền bản và xã xuống giải quyết, ông Vừ Dụ D canh tác ở khu vực không phải ở khu vực đang tranh chấp, chỗ đất gieo mạ của ông Vừ Dụ D là hai thửa ruộng chưa khai hoang, nay ông S đã khai hoang thành ruộng. Nhà nước san gạt kè đất suối năm cuối năm 2019 đến đầu năm 2020 mới xong, gia đình ông C có mức đất mở rộng diện tích đất lúa nhà ông C, lúc đấy gia đình nhà ông C và gia đình nhà ông S có tranh chấp hay có ý kiến gì không ông không rõ vì lúc đấy ông không ở nhà, đề nghị Tòa án xác minh ở bản.

Người làm chứng ông Hạng A H là trưởng bản H2, xã M có ý kiến trình bày: Ông làm trưởng bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên từ năm 2010, năm 1991 ông không nhớ rõ ông Sùng Pàng C và ông Vừ Dụ D ai là người làm trưởng

bản, hiện nay ông Vũ Dự D đã chết, ông C đi vào sinh sống trong Đắc Lắc và năm 2003 ông không biết ai làm trưởng bản. Ông biết nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hạng Dự C, bà Giàng Thị M với bị đơn ông Hồ Sã S và bà Chớ Thị H là do gia đình ông C khai hoang, canh tác từ năm 1991, gia đình ông C có canh tác liên tục trồng lúa nương 2-3 vụ lúa thì trồng ngô đến thời điểm năm 2023 thì trồng cỏ voi, ông không biết việc gia ông Hồ Sã S mua bán đất với gia đình ông Vũ Dự D.

Ông có biết việc ông S phun thuốc trừ cỏ vào diện tích cỏ voi của gia đình ông Hạng Dự C, ông có được cùng tổ hoà giải của bản, công an viên và bí thư chi bộ đi giải quyết việc này, diện tích cỏ voi bị phun thuốc trừ cỏ có nằm trong diện tích đang tranh chấp.

Người làm chứng ông Vũ A P là trưởng bản M từ năm 2003 đến 2007 trình bày: Ông không biết nguồn gốc đang tranh chấp là của ai, ai khai thác và sử dụng, không biết ông Hạng Dự C và Hồ Sã S tranh chấp đất từ khi nào. Ông Pháng cũng không biết việc ông Hồ Sã S và Vũ Dự D mua bán đất.

Người làm chứng ông Hồ Vãng S người ký xác nhận nguồn gốc đất cho ông Hồ Sã S có ý kiến: Trong biên bản ghi nhận nguồn gốc đất đề ngày 8/9/2022 mà bị đơn Hồ Sã S nộp cho Tòa án huyện M có chữ ký của ông, thực tế ông có được ký vào biên bản đây ông không biết ông Hồ Sã S và Vũ Dự D mua bán diện tích đất đây vào năm nào, nhưng năm 2004, 2005 ông và vợ có được đi làm thuê nhổ cỏ, nhổ mạ nương cho ông Hồ Sã S để ông S cấy lúa, ngoài ra không biết diện tích đất đây của ai và nguồn gốc đất đây.

Người làm chứng ông Sùng Giống C là người ký xác nhận nguồn gốc đất cho ông Hồ Sã S có ý kiến: Tại biên bản ghi nhận nguồn gốc đất đề ngày 8/9/2022 mà bị đơn Hồ Sã S nộp cho Tòa án huyện M có chữ ký của ông là không đúng vì ông chưa bao giờ ký vào biên bản nguồn gốc đất này. Ông có biết hai vợ chồng ông Vũ Dự D có khai hoang ở khu vực đây bản H2, xã M, huyện M nhưng không biết chỗ tranh chấp giữa ông Hồ Sã S và Hạng Dự C và không biết việc mua bán đất giữa ông Vũ Dự D và ông Hồ Sã S.

Ngày 16/7/2024 Hội đồng thẩm định giá huyện M đã có công văn số 02/CV-HĐTĐG gửi Tòa án nhân dân huyện cho biết Hội đồng tiến hành khảo sát giá tại các hộ chăn nuôi đã thu mua cỏ voi trên địa bàn huyện M với giá 1000 đồng/kg. Do vậy $344 \text{ khóm} \times 3,5\text{kg/khóm} \times 1000 \text{ đồng/kg} \times 3 \text{ lần} = 3.612.000 \text{ đồng}$.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 200, 228, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 11, 12, 101, 131, 166, 167, 170, 179, 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 20, 21, 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Các Điều 189, 197, 203, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định hướng dẫn

áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hạng Dụ C và bà Giàng Thị M: Ông Hạng Dụ C và bà Giàng Thị M được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 1.170 m² tọa lạc tại bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên có tứ cận phía Bắc giáp ruộng ông Hồ Sã S; phía Tây giáp bụi tre và giáp đất hộ ông Hạng A N2 được phân định bằng hàng rào dây thép gai, phía Đông giáp nương trồng cỏ voi của hộ ông Vừ Trùng D được phân định bằng hàng dây thép gai; phía Nam giáp ruộng ông Hạng Dụ C. Nguyên đơn có quyền làm các thủ tục theo quy định pháp luật để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất (kèm theo sơ đồ thửa đất).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn về việc bị đơn phá hoại số cỏ voi. Bị đơn ông Hồ Sã S và bà Chớ Thị H phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 3.612.000 đồng (*ba triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng*).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường số cỏ voi bị thiệt hại của nguyên đơn là 3.612.000 đồng (*ba triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng*).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả lại diện tích đất 1.170 m² có tứ cận phía Bắc giáp ruộng ông Hồ Sã S; phía Tây giáp bụi tre và giáp đất hộ ông Hạng A N2 được phân định bằng hàng rào dây thép gai, phía Đông giáp nương trồng cỏ voi của hộ ông Vừ Trùng D được phân định bằng hàng dây thép gai; phía Nam giáp ruộng ông Hạng Dụ C tọa lạc tại bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên và bồi thường thiệt hại lương thực 10 năm do đất bị tranh chấp không canh tác được là 100.500.000 đồng và 10.500.000 đồng phần diện tích 500m² đất đã xức đi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, bị đơn ông Hồ Sã S kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết, xem xét lại vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm giữa gia đình ông Hồ Sã S và gia đình ông Hạng Dụ C theo đơn phản tố. Ngày 02 tháng 10 năm 2024, bị đơn ông Hồ Sã S có đơn kháng cáo bổ sung đơn kháng cáo ngày 30/9/2024 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ sự việc và kết quả xét xử của Tòa án nhân dân huyện M và xét xử lại theo yêu cầu đơn phản tố của ông để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

* **Tại phiên tòa phúc thẩm:** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn ông Hồ Sã S có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm và đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông S.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án:**

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán được phân công đã thực hiện việc Thông báo cho các đương sự, Viện kiểm sát theo đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Sã S đối với Bản án số 06/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên; miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn ông Hồ Sã S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Xác định tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hạng Dụ C, sinh năm 1945 và bà Giàng Thị M, sinh năm 1942, địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên với bị đơn ông Hồ Sã S, sinh năm 1968 và bà Chớ Thị Hồ, sinh năm 1970, địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, là tranh chấp về dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo khoản 6, khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2.] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Hồ Sã S, sinh năm 1968 và bà Chớ Thị Hồ, sinh năm 1970, cùng địa chỉ: Bản H2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án là có căn cứ.

[1.3.] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị đơn ông Hồ Sã S:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Hồ Sã S gửi đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân

huyện M, tỉnh Điện Biên. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, như vậy việc kháng cáo của các đương sự là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đơn kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hồ Sã S, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Diện tích đất tranh chấp nguyên đơn xác định ban đầu theo đơn khởi kiện là 464m²; bị đơn xác định đất tranh chấp là 1.005m², qua xem xét thẩm định tại chỗ và đơn trình bày ý kiến nhất trí của nguyên đơn theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/11/2023, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất diện tích đất tranh chấp thực tế là 1.170m². Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định diện tích đất đang tranh chấp giữa các bên là 1.170m².

Diện tích đất giữa gia đình ông Hạng Dụ C, bà Giàng Thị M và gia đình ông Hồ Sã S, bà Chớ Thị H đang tranh chấp chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là đất nông nghiệp (theo Công văn số 50/CV-TNMT ngày 26/3/2024 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện M; Công văn số 93/CV-HKL ngày 15/3/2024 của Hạt kiểm lâm huyện M; Công văn số 39/BC-UBND ngày 24/4/2024 của UBND xã M, huyện M).

Theo lời khai của nguyên đơn xác định diện tích đất tranh chấp có tứ cận phía Đông giáp nương ông Vũ Trùng D, phía Tây giáp bụi tre và đất ông Hạng A N, phía Nam giáp ruộng ông Hạng Dụ C, phía Bắc giáp ruộng ông Hồ Sã S, là do nguyên đơn khai hoang từ năm 1991 đến nay, canh tác liên tục trồng cây nông nghiệp như lúa, ngô. Đến năm 2022, đất không màu mỡ nên nguyên đơn đã trồng cây cỏ voi trên diện tích đất đó; hiện nay trên đất có trồng cỏ voi cao khoảng 30 – 40cm, 01 phần đất bên dưới là ruộng lúa chưa gieo trồng. Điều này phù hợp với lời khai của những người làm chứng ông Vũ Trùng D, ông Mùa A D, ông Giàng Pàng C; người có đất liền kề ông Hạng A N2; trưởng bản ông Hạng A H, Vũ A P đều thể hiện nguyên đơn ông Hạng Dụ C, bà Giàng Thị M khai hoang phát cây đầu tiên, canh tác liên tục từ năm 1991 đến nay không có tranh chấp, sau đó khi bị đơn vào phá cỏ voi mới có tranh chấp.

Bị đơn cũng đã thừa nhận việc đã phun thuốc cỏ trừ sâu làm hư hỏng cỏ voi của nguyên đơn 03 lần, vì cho rằng diện tích đó là do bị đơn mua của vợ chồng gia đình Vũ Dụ D từ năm 2003, tuy nhiên khi trao đổi mua bán không báo trưởng bản, chính quyền đến để chỉ rõ ranh giới, mà chỉ có Hồ Sã S và Vũ Dụ D đi chỉ đất. Hiện nay ông Vũ Dụ D đã chết, vợ ông Vũ Dụ D là và Sùng Thị M tuy cho rằng diện tích đất tranh chấp là bán cho bị đơn nhưng việc mua bán bà Sùng Thị M không trực tiếp bán cùng ông Vũ Dụ D, không đi chỉ đất cùng ông S và ông Vũ Dụ D mà chỉ nghe ông Vũ Dụ D nói lại. Ngoài ra việc ông Vũ Dụ D bán đất cho ông S diện tích đất giá 17 triệu đồng nhưng ông S không có tiền nên chỉ mua đất của ông Vũ Dụ D 10 triệu đồng, 01 số diện tích đất không mua. Như vậy, không thể xác định được bị đơn đã mua đất của ông Vũ Dụ D, bà S

Thị M diện tích bao nhiêu và ở vị trí nào. Chưa có đủ căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích đất ông S mua của ông Vũ D. Tại Biên bản ghi nhận nguồn gốc đất ngày 08/9/2022 do bị đơn cung cấp không có chữ ký của các thành phần tham gia. Mặt khác từ năm 2012, khi ông S thấy ông C vào canh tác trên diện tích đất tranh chấp nhưng không đi báo với chính quyền địa phương vì lý do sợ ông C và ông N (bố ông C) đuổi ra khỏi bản là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông S bồi thường thiệt hại cỏ voi bị ông S thả trâu vào ăn và phun thuốc trừ cỏ bị chết; bị đơn cũng thừa nhận có sự việc đó, vì vậy bị đơn phải trả cho nguyên đơn diện tích cỏ voi bị phá hoại tổng 344 khóm. Theo Thông báo số 02/CV-HĐTĐG ngày 16/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện M về thẩm định giá tài sản theo Quyết định số 01/2024/QĐ-ĐG ngày 14/5/2024 và Công văn số 89/CV-TA ngày 15/7/2024 của TAND huyện M kết luận giá trị cỏ voi bị thiệt hại là 344 khóm x 3,5kg/khóm x 1.000 đồng/kg x 3 lần = 3.612.000 đồng. Do vậy, căn cứ theo Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn số tiền cỏ voi bị thiệt hại là 3.612.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại lương thực 10 năm do đất bị tranh chấp không canh tác được là 100.500.000 đồng và 10.500.000 phần diện tích 500m² đất đã xức đi của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận, vì diện tích đất tranh chấp được xác định là do nguyên đơn khai hoang nên nguyên đơn có quyền sử dụng. Mặt khác không có căn cứ để định giá và khẳng định số tiền thiệt hại như trên, không có thiệt hại trên thực tế.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M giải quyết tranh chấp là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hồ Sã S không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do đơn kháng cáo của bị đơn ông Hồ Sã S không được chấp nhận nên ông S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên ông Hồ Sã S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa phúc thẩm ông S có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông S, trả lại cho bị đơn ông Hồ Sã S số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001716 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a,c khoản 1 Điều 39; Điều 200, 228, 229, 271, 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 11, 12, 101, 131, 166, 167, 170, 179, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 20, 21, 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; các Điều 189, 197, 203, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồ Sã S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn ông Hồ Sã S. Trả lại cho bị đơn ông Hồ Sã S số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001716 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09/01/2025).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện M, tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện M, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện M, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương

